**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN – KHỐI 8**

**HỌC KỲ II – NĂM HỌC: 2019 – 2020**



**A. NỘI DUNG RA ĐỀ LỚP 8 (HỌC KỲ 2)**

**1. Phạm vi ra đề**:

* **VĂN BẢN**

**a/ Nắm vững các văn bản văn học trung đại**

*Tác giả, tác phẩm, xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, thể loại, nội dung, nghệ thuật.*

***-*** Hịch tướng sĩ (Trần Quốc Tuấn)

**-** Nước Đại Việt ta (Nguyễn Trãi)

**-** Bàn luận về phép học (Nguyễn Thiếp)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TÁC PHẨM**  **TÁC GIẢ** | **HOÀN CẢNH SÁNG TÁC** | **NỘI DUNG** | **NGHỆ THUẬT** |
| **Hịch tướng sĩ**  (Trần Quốc Tuấn) | -Viết năm 1285, trước cuộc k/c  Chống quân Mông-Nguyên lần  Thứ hai | Bài văn phản ánh tinh thần  Yêu nước thể hiện qua:  -Lòng căm thù giặc,  -Ý chí quyết chiến, quyết thắng  kẻ thù xâm lược của dân tộc  trong kháng chiến chống ngoại  xâm | -Thể hịch, văn biền  ngẫu  -Lời văn thống thiết  -Lập luận chặt chẽ, sắc  bén  =>Là áng văn chính  luận sâu sắc |
| **Nước Đại Việt ta**  (Nguyễn Trãi) | -Trích Bình Ngô đại cáo, viết  Năm 1428 sau khi quân ta đại  Thắng giặc Minh. | Bài văn có ý nghĩa như bản  tuyên ngôn độc lập:  -Nước ta có nền văn hiến lâu  đời, có lãnh thổ riêng, có chủ  quyền, có truyền thống lịch sử  -Kẻ xâm lược phản nhân nghĩa se  sẽ thất bại. | -Thể cáo, văn nghị  luận  -Câu văn biền ngẫu  -Lập luận chặt chẽ,  Chứng cứ hùng hồn. |
| **Bàn luận về phép học**  (Nguyễn Thiếp) | -1791, khi Nguyễn Thiếp (La  Sơn Phu Tử) ra giúp vua Quang  Trung | Bài văn giúp ta hiểu:  -Mục đích việc học là để làm  người có đạo đức, tri thức  -Học tốt phải có phương pháp,  học cho rộng nhưng phải nắm  cho gọn, học phải đi đôi với  hành. | -Thể tấu,văn nghị luận  -Lập luận chặt chẽ. |

* **TIẾNG VIỆT**

**Nắm vững kiến thức**

***- Các kiểu câu chia theo mục đích nói***: trần thuật, nghi vấn, cầu khiến, cảm thán

|  |  |
| --- | --- |
| **KIỂU CÂU** | **KHÁI NIỆM** |
| ***1.Câu nghi vấn*** | \*Câu nghi vấn là câu:  -Có những **từ nghi vấn** ai,gì, nào, sao, tại sao…hoặc có từ hay  -Có chức năng chính dùng để hỏi.  -Khi viết câu nghi vấn kết thúc bằng dấu chấm hỏi  -Trong nhiều trường hợp câu nghi vấn không dùng để hỏi mà để cầu khiến, khẳng định,  phủ định, đe dọa, bộc lộ tình cảm cảm xúc…  **Ví dụ:** |
| ***2.Câu cầu khiến*** | \*Câu cầu khiến là câu có những **từ cầu khiến** như: hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào…hay ngữ  điệu cầu khiến, dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo…  -Khi viết câu cầu khiến thường kết thúc bằng dấu chấm than,nhưng khi ý cầu khiến không  được nhấn mạnh thì có thể kết thúc bằng dấu chấm.  **Ví dụ:** |
| ***3.Câu cảm thán*** | \*Là câu có những **từ cảm thán** như: ôi, than ôi, hỡi ơi, …thay, biết bao, xiết bao…dùng để  bộc lộ trực tiếp cảm xúc của người nói hoặc người viết,xuât hiện chủ yếu trong ngôn ngữ nói  hàng ngày hay ngôn ngữ văn chương  -Khi viết câu cảm thán thường kết thúc bằng dấu chấm than.  **Ví dụ:** |
| *4.Câu trần thuật* | \*Câu trần thuật không có đặc điểm hình thức của các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán,  Thường dùng để kể, thông báo, nhận định, miêu tả…  -Ngoài những chức năng trên câu trần thuật còn dùng để yêu cầu,đề nghị hay bộc lộ tình cảm,  cảm xúc…(vốn là chức năng chính của những kiểu câu khác)  -Khi viết câu trần thuật thường kết thúc bằng dấu chấm, nhưng đôi khi nó có thể kết thúc  bằng dấu chấm than hoặc dấu chấm lửng.  \*Đây là kiểu câu cơ bản và được dùng phổ biến trong giao tiếp.  **Ví dụ:** |

* **TỰ LUẬN**

**- Nghị luận văn học:**

***\*Nắm được khái niệm, đặc điểm, phương pháp làm bài văn chứng minh, giải thích***

(có kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm).

***\*Đề xoay quanh nội dung các tác phẩm: “VĂN HỌC TRUNG ĐẠI”***

***-*** Hịch tướng sĩ (Trần Quốc Tuấn)

**-** Nước Đại Việt ta (Nguyễn Trãi)

**-** Bàn luận về phép học (Nguyễn Thiếp)

**2. Cấu trúc đề thi** : gồm 2 câu (thang điểm 3-7 hoặc 4-6)

***Câu 1 : (3,0 hoặc 4,0 điểm) Đọc hiểu văn bản + Tiếng việt***

- Không cho câu hỏi thuộc lòng tiểu sử tác giả, tóm tắt truyện; không hỏi nội dung, nghệ thuật của văn bản ( phần Ghi nhớ SGK)

- Tiếng Việt không hỏi lí thuyết mà chú trọng thực hành.

***Câu 2 : (6,0 hoặc 7,0 điểm) Tập làm văn – NL Văn học***

*(Nắm phương pháp làm bài nghị luận, bước đầu có kết hợp biểu cảm)*

- Hịch tướng sĩ (Trần Quốc Tuấn

- Nước Đại Việt ta (Nguyễn Trãi)

- Bàn luận về phép học (Nguyễn Thiếp)

**B. LUYỆN TẬP:**

**\*****Nghị luận văn học:**

***\*Các đề tham khảo***

**Đề 1:** *“Từng nghe:*

*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,*

*Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.*

*Như nước Đại Việt ta từ trước,*

*Vốn xưng nền văn hiến đã lâu,*

*Núi sông bờ cõi đã chia,*

*Phong tục Bắc Nam cũng khác.*

*Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời xây nền độc lập,*

*Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương,*

*Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,*

*Song hào kiệt đời nào cũng có…”*

(Trích *Nước Đại Việt ta* – Nguyễn Trãi – SGK Ngữ văn 8 – tập 2)

Qua đoạn trích trên hãy chứng minh rằng *Nước Đại Việt ta* là một áng thơ thể hiện tinh thần tự hào dân tộc sâu sắc.

**Đề 2:** “*Phép dạy, nhất định theo Chu Tử. Lúc đầu học tiểu học để bồi lấy gốc.* *Tuần tự tiến lên học đến tứ thư, ngũ kinh, chư sử. Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm.* *Họa may kẻ nhân tài mới lập được công, nhà nước nhờ thế mà vững yên. Đó mới thực là cái đạo ngày nay có quan hệ tới lòng người. Xin chớ bỏ qua.*

(Trích *Bàn luận về phép học* – Nguyễn Thiếp – SGK Ngữ văn 8 – tập 2)

Hãy suy nghĩ vai trò, tác dụng của việc học trong đoạn trích trên.

***DÀN BÀI GỢI Ý ĐỀ 1***

1. **Mở bài:** Giới thiệu được vấn đề nghị luận (bám sát yêu cầu của đề)
2. **Thân bài:**

***1. Đầu tiên, đoạn trích ngời sáng tư tưởng nhân nghĩa:***

“ *Việc nhân nghĩa … trừ bạo*”

-“Nhân nghĩa” theo quan điểm Nho giáo là chỉ mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người trên cơ sở tình thương và đạo lí ( nhân là thương người, nghĩa là điều phải, điều nên làm). Nguyễn Trãi đã kế thừa và phát triển và mở rộng quan niệm về “ nhân nghĩa”. Theo Nguyễn Trãi, “ nhân nghĩa” là “yên dân” nghĩa là làm cho nhân dân được sống yên vui hạnh phúc ( dân ở đây là dân tộc Đại Việt) và muốn cho nhân dân được yên trong tình cảnh giặc ngoại xâm hoành hành thì việc trước nhất phải lo “trừ bạo”, tiêu diệt giặc ác, tham tàn, bạo ngược ( giặc Minh), đem lại độc lập cho nước, thái bình cho dân.

-=> Như vậy “nhân nghĩa” mang một triết lí sâu sắc. Vì thương người mà chiến đấu. Vì yêu nước, thương dân mà đánh giặc. Hi sinh, phấn đấu cho độc lập, tự do của Tổ quốc, hoà bình, hạnh phúc của nhân dân là nhân nghĩa.

***2. Tiếp theo, đoạn trích còn khẳng định chân lí về sự tồn tại độc lập có chủ quyền của dân tộc.***

*“Như nước Đại Việt ta … cũng có”*

- Để khẳng định độc lập, chủ quyền của dân tộc Nguyễn Trãi đã dựa vào các yếu tố như: *nền văn hiến lâu đời, cương vực lãnh thổ, phong tục tập quán, lịch sử riêng, chế độ riêng, nhân tài.* Với những yếu tố căn bản này tác giả đã đưa ra một khái niệm khá hoàn chỉnh về quốc gia, dân tộc.

- So với ý thức về quốc gia dân tộc trong bài “ *Sông núi nước Nam*” thì ở “ Nước Đại Việt ta” ta thấy nó vừa có sự kế thừa lại vừa có sự phát huy hoàn thiện. Ý thức về độc lập dân tộc ở “ Sông núi nước Nam” được xác định ở hai phương diện: lãnh thổ và chủ quyền; còn trong bài “ Nước Đại Việt ta” ngoài lãnh thổ và chủ quyền , ý thức độc lập dân tộc còn được mở rộng, bổ sung thêm các yếu tố mới đó là nền văn hiến lâu đời, đó là phong tục tập quán riêng, truyền thống lịch sử anh hùng.

- Có thể nói ý thức về độc lập dân tộc ở thế kỉ XV đã sâu sắc và toàn diện hơn nhiều so với thế kỉ X.

🡪 Lời văn dõng dạc, hùng hồn, cùng phép so sánh kết hợp liệt kê khẳng định các triều đại của Đai Việt từ bao đời đã sánh vai ngang hàng với các triều đại phương Bắc: Triệu, Đinh, Lý, Trần / Hán, Đường, Tống, Nguyên Tác giả sử dụng nhiều từ ngữ : *“từ trước”, “đã lâu”, “cũng khác”, “bao đời”, “ đời nào”, “đời nào cũng có”* nói lên sự thật hiển nhiên, câu văn biền ngẫu, đối xứng 🡪 tạo nên một giọng văn sang sảng đầy niềm tự hào dân tộc.

**3/ Cuối cùng Nguyễn Trãi đã đưa ra những minh chứng đầy thuyết phục về sức mạnh của nhân nghĩa và độc lập dân tộc.**

*“ Lưu cung tham công nên thất bại*

*...*

*Chứng cứ còn ghi*

* Để chứng minh cho tính chất chân lí hiển nhiên, Nguyễn Trãi đã dẫn sự thật lịch sử để chứng minh. ( d/c) Với giọng châm biếm, khinh bỉ, tác giả đã nêu tên các danh tướng của các triều đại Trung Quốc khi mang quân sang xâm lược nước ta đều bị đánh bại một cách thảm hại, đơn giản vì đó là hành động phi nghĩa trái với sách trời cho nên ắt phải chuốc lấy thất bại.
* Tác giả đã nêu lên một chân lí: kẻ có âm mưu xâm lược nước khác và đem quân xâm lược nước khác chính là kẻ phản nhân nghĩa, chắc chắn sẽ chuốc lấy thất bại.

***( HS biết phân tích kết hợp đánh giá nghệ thuật qua từng luận điểm)***

1. **Kết bài:**

* Khẳng định giá trị của vấn đề nghị luận.
* Liên hệ bản thân

***DÀN BÀI GỢI Ý ĐỀ 2***

1. **Mở bài:** Giới thiệu được vấn đề nghị luận (bám sát yêu cầu của đề)
2. **Thân bài:**

***1. Để giúp vua Quang Trung trị nước, Nguyễn Thiếp đã dâng lên vua bài Tấu, bàn về phép học:*** nhấn mạnh vào mục đích đạo học chân chính là học làm người, phê phán lối học sai trái dẫn đến hậu quả nước mất nhà tan => cho thấy mục đích việc học là giúp ích cho đất nước.

***2. Điều quan trọng là ông bày tỏ quan điểm về phương pháp học***

- Phương pháp học rất quan trọng. Tác giả nêu ra trình tự phân cấp trong quá trình học từ thấp lên cao, không thể gián đoạn, nhảy cóc:

- Thứ nhất là *“ Lúc đầu học tiểu học để bồi lấy gốc…”🡪* chú ý đến việc bồi dưỡng con người từ buổi đầu đến trường, điều kiện cho người tài được bồi dưỡng từ nhỏ.

- Thứ hai là “ *Tuần tự tiến lên học đến tứ thư, ngũ kinh, chư sử”*

*+ Tứ thư: bốn quyển sách tiêu biểu của Nho giáo: Luận ngữ, Mạnh tử, Đại học, Trung dung*

*+ Ngũ kinh: năm bô sách kinh điển của Nho giáo: Kinh dịch, Kinh Thư, Kinh Thi, Kinh Lễ, Kinh Xuân Thu.*

*+ Chu sử: Các cuốn sách sử có tiếng thời xưa*

* Đây là những tài liệu để học tập của nho sinh ngày xưa.
* Theo cấp học ngày nay thì là tuần tự tiến lên từ tiểu học, đến trung học…, đại học…

- Thứ ba là *“ Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm…”=>* phải học rộng, học nhiều, chủ động, nắm chắc kiến thức, phải biết tóm lược, chắt lọc, lựa chọn kiến thức thành trí tuệ và phải gắn kết thực hành nếu không thì việc học uổng phí, không mang lợi ích cho ai.

- Như vậy, phương pháp học tâp đúng đắn là tuần tự học từ thấp đến cao. Học rộng nghĩ sâu, rồi tóm lược những đều cơ bản, cốt yếu nhất, rồi ghi nhớ và làm theo. => Như vậy học không chỉ để cho biết mà chủ yếu là để làm theo một cách đúng đắn.

🡪 Đó là những phương pháp mới tác giả đưa ra, tuy ngắn gọn, chưa thật cụ thể nhưng rất đúng đắn, rất tiến bô trong hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ, khi sự học đang bị ngưng trệ, hình thức hoá và biến chất.

***3. Cuối cùng, Nguyễn Thiếp nhấn mạnh, dự báo kết quả của sự học đúng đắn và mong vua xem xét thực thi.***

*“Họa may kẻ nhân tài mới lập được công, nhà nước nhờ thế mà vững yên. Đó mới thực là cái đạo ngày nay có quan hệ tới lòng người. Xin chớ bỏ qua”*

- Học tập đúng đắn thì mới có nhân tài, nước mới vững, lòng người mới yên, đạo mới thịnh, xã hội mới ổn định lâu bền. Lại trở về với mục đích đầu tiên: rèn luyện con người, phát triển hiền tài, yên dân định nước.

=> Lập luận chặt chẽ, cho thấy tác dụng to lớn của việc học.

***( HS biết phân tích kết hợp đánh giá nghệ thuật qua từng luận điểm)***

1. **Kết bài:**

- Khẳng định giá trị của vấn đề nghị luận.

- Liên hệ bản thân

……………………………………………………………………………………………

*Trên đây chỉ là các dạng đề tham khảo ôn tập. Đề thi môn Ngữ văn phong phú, đa dạng, do đó trong quá trình ôn tập, các em cần bám sách giáo khoa, nội dung ghi chép trong tập để hiểu rõ nội dung cụ thể của đề, từ đó có phương pháp làm bài đạt yêu cầu*

***\*\*\* CHÚC CÁC EM LÀM BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ 2 THẬT TỐT \*\*\****